ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02354/QĐ-UBND	*Cà Mau, ngày 30 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh sách ấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ấp đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo;

Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Công văn số 2350/BDTTG-VPQGDTMN ngày 19 tháng 10 năm 2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ;

Xét nội dung Báo cáo số 01/BC-HĐTĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng thẩm định kết quả phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 79/TTr-SDTTG ngày 29 tháng 12 năm 2025 và ý kiến của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp tại Công văn số 03334/VP-KGVX ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 165 ấp, khóm *(gọi chung là ấp)* vùng đồng bào dân tộc thiểu số; trong đó, có 91 ấp đặc biệt khó khăn trên địa bàn 39 xã, phường *(gọi chung là xã)* tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030 *(kèm theo phụ lục I)*.

Điều 2. Phê duyệt danh sách 12 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số; trong đó có 02 xã khu vực I, 03 xã khu vực II và 07 xã khu vực III trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030 *(kèm theo Phụ lục II)*.

Điều 3. Danh sách ấp, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số; ấp đặc biệt khó khăn; xã khu vực I, II, III được phê duyệt theo Quyết định này có hiệu lực áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và được sử dụng trong giai đoạn 2026 - 2030; là căn cứ để xác định địa bàn áp dụng các chính sách dân tộc, chính sách an sinh xã hội, phát triển kinh tế - xã hội và các chính sách có liên quan khác của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 4. Giao Sở Dân tộc và Tôn giáo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lập báo cáo kết quả xác định, phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030 báo cáo về Bộ Dân tộc và Tôn giáo để công bố trên phạm vi cả nước theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ. Đồng thời, cập nhật đầy đủ dữ liệu vào phần mềm quản lý và tổng hợp số liệu báo cáo theo hướng dẫn của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND; UBMTTQVN tỉnh;
- CT UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng KGVX (TrĐ156);
- Lưu VT, KP520/12.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Vũ Thăng

PHỤ LỤC I

DANH SÁCH ẤP VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ; ẤP ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 02354/QĐ-UBND ngày 30 /12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

STT	Tên xã, phường	Tên ấp, khóm *(gọi chung là ấp)*	ấp thuộc vùng		Ấp đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
	Tổng cộng		**165**		**91**
1	**Phường Giá Rai**		**5**		**0**
-		Khóm 4	X		
-		Khóm 5	X		
-		Khóm 1A	X		
-		Khóm Hộ Phòng	X		
-		Khóm 4A	X		
2	**Xã Hòa Bình**		**8**		**2**
-		Ấp 15 A	X		
-		Ấp Tân Tiến	X		
-		Ấp Vĩnh Tân	X		
-		Ấp Thị trấn A	X		X
-		Ấp Thị trấn A1	X		X
-		Ấp Thị trấn B	X		
-		Ấp Thị trấn B1	X		
-		Ấp Chùa Phật	X		
3	**Xã Vĩnh Hậu**		**6**		**5**
-		Ấp 13	X		X
-		Ấp 14	X		X
-		Ấp Vĩnh Thạnh	X		X
-		Ấp Vĩnh Mẫu	X		X
-		Ấp Vĩnh Mới	X		
-		Ấp Vĩnh Kiểu	X		X
4	**Phường Bạc Liêu**		**10**		**0**
-		Khóm 8	X		
-		Khóm 10	X		
-		Khóm 12	X		
-		Khóm 16	X		
-		Khóm 17	X		
-		Khóm 22	X		
-		Khóm 23	X		

STT	Tên xã, phường	Tên ấp, khóm *(gọi chung là ấp)*	ấp thuộc vùng		Ấp đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
		Khóm 24	X		
-		Khóm 31	X		
-		Khóm Trà Kha	X		
5	**Phường Vĩnh Trạch**		**10**		**5**
-		Khóm 1	X		
-		Khóm 2	X		
-		Khóm 3	X		
-		Khóm 5	X		
-		Khóm 6	X		
		Khóm Vĩnh An	X		X
-		Khóm Giáp Nước	X		X
-		Khóm Kim Cấu	X		X
-		Khóm Công Điền	X		X
-		Khóm Thào Lạng	X		X
6	**Phường Hiệp Thành**		**11**		**3**
-		Khóm Chòm Xoài	X		
-		Khóm Đầu Lộ A	X		
-		Khóm Kinh Tế	X		
-		Khóm Giồng Nhãn	X		
-		Khóm Giồng Nhãn A	X		
-		Khóm Biển Đông A	X		X
-		Khóm Biển Đông B	X		X
-		Khóm Biển Tây A	X		
-		Khóm Biển Tây B	X		
-		Khóm Giồng Giữa A	X		X
-		Khóm Giồng Giữa B	X		
7	**Xã Hưng Hội**		**7**		**3**
-		Ấp Sóc Đồn	X		X
-		Ấp Cù Lao	X		X
-		Ấp Cái Giá	X		
-		Ấp Đay tà Ni	X		
-		Ấp Nước Mặn	X		
-		Ấp Cả Vĩnh	X		
-		Ấp Giá Tiểu	X		X
8	**Xã Hồng Dân**		**10**		**5**
-		Ấp Bà Gồng	X		
-		Ấp Bà Hiên	X		X
-		Ấp Trèm Trẹm	X		

STT	Tên xã, phường	Tên ấp, khóm *(gọi chung là ấp)*	ấp thuộc vùng		Ấp đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
-		Ấp Bà Ai 1	X		
-		Ấp Đầu Sấu Đông	X		
-		Ấp Đầu Sấu Tây	X		
-		Ấp Kinh Xáng	X		X
-		Ấp Tà Suôl	X		X
-		Ấp Tà Ben	X		X
-		Ấp Tà Ky	X		X
9	**Xã Ninh Thạnh Lợi**		**6**		**3**
-		Ấp Thống Nhất	X		
-		Ấp Chòm Cao	X		X
-		Ấp Xẻo Dừng	X		
-		Ấp Ninh Thạnh Đông	X		X
-		Ấp Ninh Thạnh Tây	X		
-		Ấp Kos Thum	X		X
10	**Xã Long Điền**		**4**		**4**
-		Ấp Rạch Rắn	X		X
-		Ấp Thạnh Trị	X		X
-		Ấp Thạnh An	X		X
-		Ấp Đầu Lá	X		X
11	**Xã Vĩnh Mỹ**		**3**		**0**
-		Ấp 14	X		
-		Ấp Ninh Lợi A	X		
-		Ấp Thanh Sơn	X		
12	**Xã Phước Long**		**3**		**1**
-		Ấp Vĩnh Lộc	X		X
-		Ấp Vĩnh Phú B	X		
-		Ấp Long Đức	X		
13	**Xã Vĩnh Phước**		**4**		**4**
-		Ấp Phước Thọ Hậu	X		X
-		Ấp Bình Tốt B	X		X
-		Ấp Bình Bảo	X		X
-		Ấp Bình Lễ	X		X
14	**Xã Ninh Quới**		**2**		**2**
-		Ấp Phú Tân	X		X
-		Ấp Ninh Chùa	X		X
15	**Xã Vĩnh Lộc**		**2**		**0**
-		Ấp Vĩnh Thạnh	X		
-		Ấp Ba Đình	X		

STT	Tên xã, phường	Tên ấp, khóm *(gọi chung là ấp)*	ấp thuộc vùng		Ấp đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
16	**Xã Vĩnh Lợi**		**2**		**0**
-		Ấp Bà Chăng	X		
-		Ấp Trà Ban I	X		
17	**Xã U Minh**		**1**		**1**
-		Ấp 16	X		X
18	**Xã Khánh Lâm**		**10**		**7**
-		Ấp 1	X		X
-		Ấp 6	X		
-		Ấp 9	X		X
-		Ấp 10	X		
-		Ấp 11	X		X
-		Ấp 12	X		
-		Ấp 14	X		X
-		Ấp 15	X		X
-		Ấp 16	X		X
-		Ấp 20	X		X
19	**Xã Khánh An**		**1**		**0**
-		Ấp 18	X		
20	**Xã Nguyễn Phích**		**1**		**0**
-		Ấp 17	X		
21	**Xã Thanh Tùng**		**7**		**7**
-		Ấp Phú Hiệp A	X		X
-		Ấp Tân Điền A	X		X
-		Ấp Tân Điền B	X		X
-		Ấp Tân Hùng	X		X
-		Ấp Tấn Ngọc	X		X
-		Ấp Tấn Ngọc Đông	X		X
-		Ấp Hiệp Hoà Tây	X		X
22	**Xã Quách Phẩm**		**4**		**4**
-		Ấp Cái Keo	X		X
-		Ấp Khai Hoang Vàm	X		X
-		Ấp Nhà Cũ	X		X
-		Ấp Kênh Ngang	X		X
23	**Xã Tân Tiến**		**2**		**2**
-		Ấp Vàm Đầm	X		X
-		Ấp Thuận Long A	X		X
24	**Xã Tân Thuận**		**2**		**2**
-		Hòa Hải	X		X

STT	Tên xã, phường	Tên ấp, khóm *(gọi chung là ấp)*	ấp thuộc vùng		Ấp đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
-		Lưu Hoa Thanh	X		X
25	**Xã Trần Phán**		**1**		**1**
-		Ấp Tân Hòa	X		X
26	**Xã Đầm Dơi**		**3**		**3**
-		Bá Huê	X		X
-		Đồng Tâm B	X		X
-		Đồng Tâm A	X		X
27	**Xã Tân Lộc**		**3**		**3**
-		Ấp 7	X		X
-		Ấp Bào Chà	X		X
-		Ấp Kênh Miễu	X		X
28	**Xã Trí Phải**		**2**		**2**
-		Đầu Nai	X		X
-		Tapasa I	X		X
29	**Xã Hồ Thị Kỷ**		**2**		**0**
-		Ấp Cây Khô	X		
-		Ấp Đường Đào	X		
30	**Xã Đá Bạc**		**7**		**5**
-		Ấp Đá Bạc A	X		X
-		Ấp Cơi 5A	X		
-		Ấp Cơi 5B	X		X
-		Ấp Cơi 4	X		X
-		Ấp Cơi 6B	X		
-		Ấp Sào Lưới B	X		X
-		Ấp 6	X		X
31	**Xã Khánh Bình**		**4**		**4**
-		Ấp 8	X		X
-		Ấp 9	X		X
-		Ấp Minh hà A	X		X
-		Ấp Rạch Cui	X		X
32	**Xã Khánh Hưng**		**4**		**4**
-		Ấp Kinh Hảng B	X		X
-		Ấp Nhà Máy C	X		X
-		Ấp Kinh Đứng A	X		X
-		Ấp Kinh Đứng B	X		X
33	**Xã Trần Văn Thời**		**2**		**0**
-		Ấp 4	X		
-		Ấp Kinh Ngang	X		

STT	Tên xã, phường	Tên ấp, khóm *(gọi chung là ấp)*	ấp thuộc vùng		Ấp đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
34	**Xã Cái Đôi Vàm**		**4**		**4**
-		Ấp 5	X		X
-		Ấp Tân Quảng Tây	X		X
-		Ấp Gò Công	X		X
-		Ấp Gò Công Đông	X		X
35	**Xã Cái Nước**		**1**		**1**
-		Ấp Khánh Tư	X		X
36	**Xã Đất Mũi**		**1**		**1**
-		Ấp Cái Mòi	X		X
37	**Xã Đất Mới**		**1**		**1**
-		Ấp 5	X		X
38	**Xã Lương Thế Trân**		**2**		**2**
-		Ấp Cái Bát	X		X
-		Ấp Đường Cuốc	X		X
39	**Phường An Xuyên**		**7**		**0**
-		Khóm 1	X		
-		Khóm 2	X		
-		Khóm 3	X		
-		Khóm 5	X		
-		Khóm 6	X		
-		Khóm 11	X		
-		Khóm 12	X		

PHỤ LỤC II

DANH SÁCH XÃ VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ; XÃ KHU VỰC I, II, III TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 02354/QĐ-UBND ngày 30 /12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

STT	Tên xã, phường *(gọi chung là xã)*	Xã		Xã thuộc khu vực I, II, III	Số ấp vùng dân tộc thiểu số	
		DTTS	MN		Tổng số ấp	Số ấp đặc biệt khó khăn
I	**TỔNG CỘNG**			**12**	**338**	**91**
	Ấp, khóm vùng DTTS nằm ngoài xã khu vực I, II, III				*68*	*51*
	Xã khu vực I	X		*2*	*70*	*0*
	Xã khu vực II	X		*3*	*78*	*7*
	Xã khu vực III	X		*7*	*122*	*33*
II	**CHI TIẾT**					
1	Phường Giá Rai	X		II	23	0
2	Xã Hòa Bình	X		II	31	2
3	Xã Vĩnh Hậu	X		III	19	5
4	Phường Bạc Liêu	X		I	35	0
5	Phường Vĩnh Trạch	X		III	16	5
6	Phường Hiệp Thành	X		III	16	3
7	Xã Hưng Hội	X		III	18	3
8	Xã Hồng Dân	X		II	24	5
9	Xã Ninh Thạnh Lợi	X		III	14	3
10	Xã Khánh Lâm	X		III	26	7
11	Xã Thanh Tùng	X		III	13	7
12	Phường An Xuyên	X		I	35	0